TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2023/HC-PT
Ngày: 21 - 3 - 2023
V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Cầu**

Các thẩm phán: Ông **Trần Xuân Minh**

Ông **Hoàng Minh Thịnh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Thái Lê Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông **Đỗ Phước Trung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21-3-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 772/2022/TLST-HC ngày 04-11-2022, về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 1247/2022/HC-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 273/2023/QĐPT ngày 28-02-2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần L, sinh năm 1925 (đã chết).

Địa chỉ: Số 19 đường M, Phường 15, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần L:

1.1. Ông Trần Thạch T, sinh năm 1954. Địa chỉ: 106H/12 H, Phường 14, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

1.2. Bà Trần Mỹ Tr, sinh năm 1958. Địa chỉ: 19/1 M, Phường 15, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

1.3. Ông Trần Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: 16 N, Phường 6, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

1.4. Bà Trần Thị M, sinh năm 1960. Địa chỉ: 39/27 Nguyễn Ngọc Cung, Phường 16, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

1.5. Bà Trần Thị M L, sinh năm 1962. Địa chỉ: 19 M, Phường 15, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

1.6. Bà Trần Mỹ Chi, sinh năm 1965. Địa chỉ: 19 M, Phường 15, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Tr, bà M, bà L và bà CH: Ông Trần Đ, sinh năm 1956. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phan Thanh H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Diễm Th - Phó Trưởng phòng pháp chế Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

2.2. Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Số 4 đường 1011 P, Phường 5, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Ủy ban nhân dân Quận X: Ông Phạm Quang T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Ủy ban nhân dân Quận X: Ông Lưu Quang Huy Q - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận X. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 184 Lư Hữu Phước, Phường 15, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận X: Ông Lê Thanh Tùng - Công chức Địa chính Xây dựng Đô thị Môi trường. Có mặt.

* *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần L là ông Trần Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Trần L, các biên bản đối thoại và lời trình bày tại phiên tòa, người khởi kiện bà Trần L (đã chết) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Phan Thanh Hòa trình bày:

Năm 1970 ông Trần H (chồng bà L) có mua của ông Vương Đan D một căn nhà "Theo tờ bán một căn nhà thiết số 19 khóm 6.LC7 ngày 24/7/1970", trong đó có diện tích 240m^2 đất mà bà yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận X bồi thường. Năm 1978-1979, thực hiện chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp, nên gia đình bà L đã đưa 1.460m^2 đất cùng với các hộ dân vào tập đoàn để sản xuất nông nghiệp. Năm 1980, do làm nông nghiệp không hiệu quả nên tập đoàn giải thể, sau đó Ủy ban nhân dân Phường 15 lấy một phần đất của tập đoàn làm sân bóng đá.

Năm 1982 tập đoàn tan rã, các hộ dân lấy lại đất để sản xuất, trừ phần đất đã làm sân bóng đá. Năm 1984, tập đoàn củng cố lại, nên các hộ dân lại đưa đất vào tập đoàn để sản xuất, trừ phần đất đã làm sân bóng đá. Năm 1992, gia đình bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời với diện tích 874m^2 đất.

Năm 1999, gia đình bà L có đăng ký kê khai nhà đất với toàn bộ khuôn viên đất làm nhà ở và đất trồng trọt là 1.727,9m^2, trong đó đất làm nhà ở là 206,24m^2 (Việc đăng ký kê khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận X ngày 30/10/1999). Năm 1998, bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00039/QSDĐ/3901/QĐ-UB ngày 06/11/1998 với diện tích 820m^2 đất, như vậy nếu cộng diện tích đất nông nghiệp, nhà ở và trồng cây thì không đủ theo diện tích đăng ký kê khai năm 1999, nhưng gia đình bà L chỉ yêu cầu được bồi thường hoặc trả lại 240m^2 đất.

Phần diện tích đất của gia đình bà L mà Ủy ban nhân dân Phường 15 lấy để làm sân bóng đá, sau này có hứa trả lại bằng cách hoán đổi đất khác hoặc bồi thường thỏa đáng, nhưng Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận X không thực hiện nên bà đã khiếu nại.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ngày 20/6/2006 Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Văn bản số 3812/TB-UBND với nội dung *"Nếu Nhà nước sử dụng phần đất nêu trên vì mục đích khác sẽ xem xét bồi thường cho gia đình bà Trần L theo quy định"*. Do Ủy ban nhân dân Quận X không thực hiện, nên bà L khiếu nại tiếp, ngày 25/10/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 6460/QĐ-UB với nội dung bác khiếu nại của bà L. Bà L tiếp tục khiếu nại. Ngày 18/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5479/QĐ-UBND với nội dung công nhận Quyết định số 6460/QĐ-UB ngày 25/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc giải quyết khiếu nại của bà L là đúng pháp luật.

Không đồng ý với các quyết định trên, nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy các Quyết định số 5479/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 6460/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận X thực hiện đúng theo Văn bản số 3812/TB-UBND ngày 20/6/2006 (bồi thường hoặc trả lại phần đất này cho bà L).

Ông Trần Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L đồng thời là người đại diện hợp pháp cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của ông Hòa, ngoài ra không còn ý kiến nào khác.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Mình có ý kiến trình bày tại Văn bản 1848/UBND-NCPC ngày 05/4/2017:

Theo trình bày của bà L, phần đất bà khiếu nại có diện tích 240 m^2, hiện nằm trong khuôn viên sân bóng đá Vạn Nguyên, Phường 15, Quận X, nguồn gốc trước đây thuộc một phần đất do ông Trần H (chồng bà L) mua để trồng rau cải, phần đất trên nằm sát kho Vạn Nguyên. Sau giải phóng, Ủy ban nhân dân Phường 20 (Phường 15) Quận X phá bỏ tường kho Vạn Nguyên để làm sân bóng đá, đồng thời chiếm dụng luôn phần đất trên của gia đình bà L.

Năm 1978, theo chủ trương đưa đất vào tập đoàn, Ủy ban nhân dân Phường 20, Quận X kêu gọi nông dân đưa đất vào tập đoàn, trong đó có hộ ông Trần H, bà L. Diện tích hộ ông Trần H dưa vào tập đoàn là 1.406 m^2. Năm 1980, Ủy ban nhân dân Phường 20, Quận X lấy một phần đất tập đoàn quản lý làm sân bóng đá, đồng thời trả lại cho nông dân trồng rau. Năm 1982, tập đoàn tan rã, các hộ dân tự lấy lại đất mà trước đây đã đưa vào tập đoàn. Năm 1984, tập đoàn được củng cố, các hộ dân lại đưa đất vào tập đoàn, riêng phần đất sân bóng được hình thành từ năm 1980 thì giữ nguyên.

Theo Tài liệu 02/CT-UB, sân bóng đá Vạn Nguyên thuộc thửa 10 tờ bản đồ số 1, Phường 16, Quận X (Phường 15, Quận X) có nguồn gốc trước đây thuộc một phần đất do ông Trần H mua để trồng rau cải, phần đất trên nằm sát kho Vạn Nguyên.

Năm 1998, Ủy ban nhân dân Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00039/QSDĐ/3901/QĐ-UB cho bà L với diện tích 820 m^2 thuộc thửa 11 tờ bản đồ số 02, phần đất này là đất nông nghiệp không kể diện tích nhà ở, theo bà L nếu cộng diện tích đất nông nghiệp và diện tích nhà thì bà còn thiếu 240 m^2 năm trong sân bóng đá hiện hữu. Bà L làm khiếu nại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận X chiếm dụng đất của gia đình bà làm sân bóng đá Vạn Nguyên, nhưng nay không giải quyết trả lại đất hoặc bồi thường thỏa đáng cho gia đình bà.

Ngày 25/10/2006, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 6460/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà L với nội dung: bác nội dung đơn khiếu nại của bà L; xác định phần đất sử dụng làm sân bóng Vạn Nguyên là đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, sử dụng vào mục đích công cộng.

Không đồng ý với nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân Quận X, bà L tiếp tục khiếu nại.

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận X tại Công văn ngày 26/7/2004: nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà L là mua lại căn nhà của ông Vương Đan D vào ngày 24/7/1970, việc mua bán căn nhà được chính quyền cũ xác nhận không thể hiện việc mua bán phần đất nông nghiệp.

Năm 1978, thực chủ trương hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp, hộ bà L cũng một số hộ dân khác đưa đất vào tập đoàn làm ăn tập thể, diện tích hộ bà L vào tập đoàn là 1.406 m^2. Năm 1980, Ủy ban nhân dân Phường 20, Quận X lấy một phần đất do tập đoàn quản lý làm sân bóng đá, đồng thời trả phần đất còn lại cho các hộ dân trồng rau. Năm 1982, tập đoàn tan rã, các hộ nông dân tự lấy lại đất mà trước đây đã đưa vào tập đoàn. Năm 1984, tập đoàn củng cố, các hộ dân lại dưa đất vào tập đoàn, riêng phần đất sân bóng được hình thành từ năm 1980 giữ nguyên.

Năm 1998, Ủy ban nhân dân Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00039/QSDĐ/3901/QĐ-UB cho bà L với diện tích 820 m^2 thuộc thừa 11 tờ bản đồ số 02, phần đất này là đất nông nghiệp không kể diện tích nhà ở.

Ngày 09/4/2009, Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 257BỚT LỤC TNMT-TTS kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố công nhận Quyết khiến so332 6460/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X là dúng pháp luật.

Ngày 23/5/2009, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 3505/VP-PC truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, làm rõ cơ sở pháp lý của Thông báo số 3812/TB-UBND ngày 20/6/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X: Làm rõ căn cứ, lý do vì sao Quận X giải quyết: Nếu Nhà nước sử dụng phần đất liên quan việc khiếu nại của bà L vào mục đích khác thì sẽ xem xét bồi thường, trong khi tiếp tục sử dụng đất làm sân bóng đá thì bác đơn khiếu nại đòi đất.

Ngày 23/11/2009, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 8507/TNMT-TTS đề nghị Ủy ban nhân dân Quận X kiểm tra, xem xét lại tính pháp lý của nội dung Thông báo số 3812/TB-UBND ngày 20/6/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X, xử lý đối với nội dung không chính xác của thông báo trên.

Ngày 12/02/2010, Ủy ban nhân dân Quận X có Thông báo số 2746/TB-UBND với nội dung thu hồi, hủy bỏ Thông báo kết luận số 3812/TB UBND ngày 20/6/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngày 17/3/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1410/TNMT- TTS báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà L trong đó kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định giải quyết về việc giải quyết đơn của bà L khiếu nại Quyết định số 6460/QĐ-

UBND ngày 25/10/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X như Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiến nghị tại Báo cáo số 2371/BC-TNMT-TTS ngày 09/4/2009.

Ngày 29/9/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 10169/BC-STNMT-TTr về kết quả xác minh nội dung giải quyết khiếu nại của bà L với nội dung: kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục công nhận nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 6460/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X là đúng pháp luật.

Sân bóng đá Vạn Nguyên được xây dựng từ những năm 1980, Ủy ban nhân dân Phường 20 (cũ), Quận X đã trưng dụng phần đất do Tập đoàn quản lý (lúc bấy giờ) sử dụng vào mục đích công cộng. Đồng thời, gia đình bà L cũng không có các loại giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất nêu trên. Mặt khác, ngày 03/7/2006, Ủy ban nhân dân Quận X đã có biên bản làm việc với gia đình bà L (do ông Trần Đ đại diện) cũng có ý kiến là Ủy ban nhân dân Phường 15. Quận X sử dụng làm sân bóng đá thì gia đình ông không đòi lại, nhưng nếu sử dụng làm mục đích khác thì phải bồi thường thỏa đáng.

Căn cứ khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003 (khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013) quy định: "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Phần đất bà L khiếu nại Nhà nước đã quản lý sử dụng làm sân bóng đá từ năm 1980 cho đến nay. Do đó, việc hộ bà L có đơn khiếu nại đòi lại phần đất 240m^2 hoặc bồi thường cho gia đình bà là không có cơ sở.

Vì vậy bà L khiếu nại Quyết định số 6460/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X là không có cơ sở.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố bác nội dung đơn khởi kiện của bà L, công nhận nội dung Quyết định số 5479/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X có ý kiến trình bày tại Văn bản số 159/UBND-TP ngày 24/01/2017:

Nguồn gốc phần đất nông nghiệp do bà L khởi kiện là một phần đất nằm trong khu kho Vạn Nguyễn bị sập, các hộ tại khu vực này (trong đó có hộ bà L) khai phá sử dụng để trồng rau trước năm 1975.

Năm 1978-1979, thực hiện chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp, hộ bà L cùng một số hộ khác đưa đất vào tập đoàn làm ăn tập thể, diện tích hộ Lang đưa vào 1.406m^2. Năm 1980, Ủy ban nhân dân Phường 15 trưng dụng phần đất do

Tập đoàn quản lý để làm sân bóng đá Vạn Nguyên, phát triển phong trào thể dục thể thao tại địa phương.

Khoảng năm 1981-1982, các hộ dân tự lấy lại đất để làm ăn cá thể. Đến năm 1989, do diện tích đất nông nghiệp tại khu vực này còn lại không đáng kể, đồng thời, các hộ tự lấy lại đất để sản xuất nên không thực hiện việc chia cấp ruộng đất bình quân nhân khẩu theo Nghị quyết số 10/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 21/KH-UB của Ủy ban nhân dân Quận X.

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân Phường 15: Năm 1996 Ủy ban nhân dân Phường 15 làm hàng rào, nâng cấp sân bóng đá phục vụ phát triển phong trào thể dục thể thao địa phương, do phân ranh đất sân bóng đá và đất của hộ bà L không xác định được cụ thể nên hộ bà L có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân Phường 15. Tuy nhiên, hộ bà L không xuất trình được giấy tờ chứng minh diện tích đất và các hộ lân cận cũng xác nhận chung chung theo trí nhớ nên Ủy ban nhân dân Phường 15 không có cơ sở giải quyết và đã trả lời cho hộ bà L.

Năm 1998, hộ bà L làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thời điểm này hộ bà L không khiếu nại nên Ủy ban nhân dân Quận X đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00039/QSDĐ/390/QĐ-UB cho bà L với diện tích 820m thuộc thửa 11 tờ bản đồ số 02 (diện tích đất nông nghiệp không kê diện tích nhà ở) cho hộ bà L.

Ủy ban nhân dân Quận X nhận thấy: Sân bóng đá Vạn Nguyên được xây dựng từ những năm 1980. Ủy ban nhân dân Phường 15 đã trưng dụng phần đất do vậy Ủy ban nhân dân Quận X nhận thấy: Bà L không có các loại giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất như bà đã khiếu nại. Mặt khác ngày 13/6/2006. Ủy ban nhân dân Quận X đã có buổi làm việc với hộ bà L do ông Đệ được ủy quyền dự thay đã có ý kiến: Nếu Ủy ban nhân dân Quận X sử dụng đất làm sân bóng đá thì gia đình ông sẽ không đòi lại đất, nhưng nếu sử dụng vào mục dịch khác thì phải bồi thường thỏa đáng.

Căn cứ khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013 (khoản 2 Điều 10 của Luật đất Đai 2003): "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất dã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cam thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chu BUT LÚC Nam". Phần đất mà hộ bà L khiếu nại đã được Nhà nước quản lý sử dụng làm sân bóng đã từ năm 1980 cho đến nay. Do đó việc hộ bà L khiếu nại đòi lại 240m" đất hoặc bồi thường cho gia đình bà không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên, Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X khẳng định việc ban hành Quyết định số 6460/QĐ-UBND

ngày 25/10/2006 là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, dễ nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu của bà L về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 6460/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận X có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thanh Tùng trình bày:

Thống nhất các quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X đã ban hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành cho các bên đối thoại với nhau, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1247/2022/HC-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần L (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà L gồm có ông Trần Thạch T, ông Trần Đ, bà Trần Mỹ Tr, bà Trần Thị M, bà Trần Thị M L và bà Trần Mỹ Chi có ông Trần Đ là người đại diện theo ủy quyền) về:

- Hủy Quyết định số 5479/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần L".

- Hủy Quyết định số 6460/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần L cư ngụ số 19 Bến M, Phường 15, Quận X".

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16-8-2022, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần L là ông Trần Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính. Không chấp nhận đơn kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của

bà Trần L là ông Trần Đ. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1247/2022/HC-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người đại diện cho người khởi kiện, đại diện cho người bị kiện, người có quyền, nghĩa vụ liên quan; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 5479/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của bà Trần L; Quyết định số 6460/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết khiếu nại của bà L; Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận X bởi thường thỏa dáng phân đất có diện tích 240m^2, tọa lạc tại Phường 15, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bà Trần L làm đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Ngày 25/10/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, TP.Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6460/QĐ-UBND "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần L cư ngụ số 19 Bên Mỹ Cốc, Phường 15, Quận X". Ngày 18/10/2016, Chủ tịch TP. Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5479/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần L Quận X TP.Hồ Chí Minh là quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp với diện tích 240 m^2/1.406 m^2 và căn nhà trên đất tranh chấp (trong khuôn viên sân bóng đá Vạn Nguyên) tại phường 15, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh nguyên trước đây là một phần đất do ông Trần H (chồng bà L) mua của ông Vương Đan D. Phần đất này nằm sát kho Vạn Nguyên được Ủy ban nhân dân Phường 20 (trước là phường 15) Quận X quản lý, sử dụng làm sân bóng đá, cụ thể: Thực hiện chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp vào năm 1978, hộ bà Trần L đưa toàn bộ 1.406m^2 đất vào tập đoàn sản xuất nông nghiệp để làm ăn tập thể. Năm 1980, Ủy ban nhân dân Phường 15 đã sử dụng 240m^2 do Tập đoàn sản xuất nông nghiệp quản lý để làm sân bóng đá Vạn Nguyên tại địa phương. Năm 1981-1982, bà Trần L tự lấy lại đất để canh tác. Sau đó, theo trình bày của bà Trần L thì Tập đoàn sản xuất nông nghiệp giải thể, hộ bà Trần L tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích nêu trên, trừ phần đất đã làm sân bóng đá. Năm 1984, tập đoàn được củng cố lại nên các hộ dân trong đó có hộ bà Trần L lại đưa đất vào tập đoàn sản xuất nông nghiệp (không có phần đất đã làm sân bóng đá). Năm 1992, gia đình

bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời với 874m^2 đất. Năm 1998, bà Trần L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00039/QSDĐ/3901/QĐ-UB ngày 06/11/1998 với 820 m^2 đất. Như vậy, diện tích 240 m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của Nhà nước từ năm 1980. Tuy nhiên, hộ bà L đã đăng ký, kê khai tổng diện tích 1.727,9m^2 đất trong đó có 240 m^2 đất là không đúng pháp luật (khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013).

Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần L là ông Trần Đ. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Ông Trần Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần L là ông Trần Đ. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1247/2022/HC-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
Xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần L gồm có ông Trần Thạch T, ông Trần Đ, bà Trần Mỹ Tr, bà Trần Thị M, bà Trần Thị M L và bà Trần Mỹ Chi có ông Trần Đ về :

- Hủy Quyết định số 5479/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần L".

- Hủy Quyết định số 6460/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X "về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần L cư ngụ số 19 Bến M, Phường 15, Quận X".

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1, Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trần Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 21 - 3 - 2023./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND TP. Hồ Chí Minh;
– VKSND TP. Hồ Chí Minh;
– Các đương sự;
– Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
– Lưu: VP, Hồ sơ, ĐTM.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thúy Cầu